

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/4/2021

V/v tranh chấp “xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Dũ

Bà Trần Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 313/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Đ**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Hoàng G**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Mỹ Phước, Cục C10, Bộ Công an

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Đ có mặt tại phiên tòa.

- Anh G có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 28/11/2021 nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày: Tôi và anh Trần Hoàng G cưới nhau vào năm 2008, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay. Lý do anh G phạm tội và bị bắt xử phạt 19 năm tù về tội "Giết người", trong thời gian chấp hành án anh G yêu cầu tôi phải ly hôn. Do

tính tình anh G và tôi không phù hợp, nên tôi không thể tiếp tục chung sống với anh G được nữa. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Ánh D, sinh ngày 12/01/2008 và Trần Thị Ánh N, sinh ngày 27/3/2010, hiện 02 con đang sống với tôi; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Hoàng G; Về con chung: yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đồng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung; Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2021 bị đơn anh Trần Hoàng G trình bày: Về việc kết hôn và thời gian kết hôn như vợ tôi Lê Thị Đ trình bày là đúng. Trong đời sống vợ chồng từ khi cưới đến khi tôi bị bắt thì không có mâu thuẫn gì. Sau khi tôi phạm tội và bị bắt xử phạt 19 năm tù về tội "Giết người" thì vợ tôi muốn xin ly hôn đối với tôi. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của vợ tôi Lê Thị Đ thì tôi đồng ý. Về con chung: có 02 con chung như vợ trình bày, tôi đồng ý để vợ tiếp tục nuôi con chung, tôi không cấp dưỡng vì phải chấp hành án thời gian dài. Về tài sản chung; có một số tài sản chung, nay tài sản chung tôi yêu cầu khi nào tôi chấp hành án xong thì tôi về giải quyết sau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Về nợ chung: Không có. Anh G yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Lê Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoàng G; Về con chung: yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung là Trần Thị Ánh D, sinh ngày 12/01/2008 và Trần Thị Ánh N, sinh ngày 27/3/2010, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung; Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

- Anh G yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Lê Thị Đ, thì chị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Hoàng G. Anh G hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Mỹ Phước, Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp

"Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản ghi lời khai ngày 16/3/2021 bị đơn anh Trần Hoàng G đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh vì anh đang phải chấp hành án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Trần Hoàng G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Đ yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Hoàng G. Xét yêu cầu xin ly hôn của Lê Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy chị Đ và anh G cưới nhau vào năm 2008, có quen biết tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, ly thân nhau cho đến nay. Lý do anh G phạm tội và bị bắt xử phạt 19 năm tù về tội "Giết người", hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Mỹ Phước, Cục C10, Bộ Công an, nên vợ chồng không hàn gắn được gì. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian ly thân của chị Đ và anh G từ năm 2018 đến nay là đã lâu, trong thời gian ly thân nhau, chị Đ và anh G cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Đ xin được ly hôn đối với anh G vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh Trần Hoàng G cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Như vậy chứng tỏ anh G cũng không còn tình cảm đối với chị Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh G là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Trần Hoàng G là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh G có 02 chung là Trần Thị Ánh D, sinh ngày 12/01/2008 và Trần Thị Ánh N, sinh ngày 27/3/2010, hiện 02 con đang sống với chị Đ. Tại phiên tòa hôm nay chị Đ yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Anh G cũng đồng ý theo yêu cầu của chị Đ về việc nuôi con chung và anh không phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân nhau cho đến nay, cháu D và N hiện đang sống với chị Đ ổn định. Lời khai của cháu D và N yêu cầu được sống với chị Đ. Chị Đ cũng có điều kiện nuôi dạy con tốt. Chị Đ và anh Gg cũng đã thỏa thuận về người nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của các con. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho chị Đ tiếp tục nuôi một con chung giữa chị và anh G là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho các cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị Đ không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Đ và anh G xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này. Nếu sau này chị Đ và anh G có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác tại Tòa án có thẩm quyền.

[6] Về nợ chung: Chị Đ và anh G xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[7] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có ghi nhận khi khi án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Trần Hoàng G.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Lê Thị Đ được tiếp tục nuôi hai con chung giữa chị và Trần Hoàng G là cháu Trần Thị Ánh D, sinh ngày 12/01/2008 và Trần Thị Ánh N, sinh ngày 27/3/2010. Anh Trần Hoàng G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Đ chưa có yêu cầu.

Anh Trần Hoàng G có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền tranh cản.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 20820 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị Đ thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đ được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh G được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã M, huyện C;
- Các đương sự:
 - + Lê Thị Đ
 - + Trần Hoàng G
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh

